

Số: 16/2020/ HNGĐ-ST
Ngày: 04- 5- 2020
Về việc: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NGUYỄN THU T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà NGUYỄN THỊ LỆ H
2. Bà HUỖNH THỊ THU V

- Thư ký phiên tòa: Ông NGÔ MINH B - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L tham gia phiên tòa: (không tham gia).

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:38/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2020, về việc “xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:10/2020/QĐXX-STHN ngày 10 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị B, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cư trú tại nhà số 08, khóm Vĩnh H, phường Tân N, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

Nơi sinh sống tại nhà số 124/7, ấp Phước L, xã Thạnh Q, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L.

- Bị đơn: Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Cư trú tại nhà số 08, khóm Vĩnh H, phường Tân N, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/02/2020, bà B yêu cầu giải quyết ly hôn, không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản và nợ tài sản.

Bà B khai rằng, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân N thành phố Vĩnh L vào ngày 14/02/2011. Do bất đồng quan điểm hôn nhân nên vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến, mâu thuẫn kéo dài và ly thân 04 năm. Bà B yêu cầu được ly hôn, không có con chung, không có nợ tài sản. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà B và ông Đ đồng có đơn ngày 16/3/2020 đề nghị được vắng mặt các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm.

- Bà B nộp bản khai ngày 16/3/2020 ý kiến rằng: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Đ, không có con chung, không có nợ tài sản. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thông báo kết quả hòa giải và công khai chứng cứ đã được tổng đạt ngày 19/3/2020.

- Ông Đ nộp bản khai ngày 17/3/2020 ý kiến rằng: Ông Đ đạt đồng ý ly hôn với bà B, không có con chung và không có nợ tài sản. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thông báo kết quả hòa giải và công khai chứng cứ đã được tổng đạt ngày 19/3/2020.

Tại phiên tòa sơ thẩm, vắng mặt bà B và ông Đ theo đơn ngày 16/3/2020, không có nộp tài liệu, chứng cứ gì mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- Bà B và ông Đ đồng có đơn ngày 16/3/2020, đề nghị mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Bà B và ông Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân N thành phố Vĩnh L vào ngày 14/02/2011. Như vậy, Bà B và ông Đ đã tuân thủ điều kiện kết hôn, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ ngày đăng ký kết hôn 14/02/2011.

Bà B và ông Đ đồng có ý kiến thống nhất ly hôn với nhau, đã xác định đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, yêu cầu ly hôn của bà B là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung, bà B và ông Đ đồng xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, bà B và ông Đ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ tài sản, bà B và ông Đ đồng xác nhận không có nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Vì vậy, bà B phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N0 0005204 ngày 12/02/2020 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L; Bà B đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Ông Đ không phải chịu tiền án phí sơ thẩm hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị B và ông Nguyễn Hữu Đ .

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà B và ông Đ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà B phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp, theo biên lai số số N⁰ 0005204 ngày 12/02/2020 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L; Bà B đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Ông Đ không phải chịu tiền án phí sơ thẩm hôn nhân.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)
NGUYỄN THU T

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VK cùng cấp;
- T.H.A cùng cấp;
- UBND xã, phường
- Lưu hồ sơ